

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Phẩm;

2. Bà Vy Thị Thom.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Nhật Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1986, cư trú tại: Thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1987, cư trú tại: Thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại K2- Trại giam X, địa chỉ: Thôn 7-P, xã L, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09/4/2025 và các lời khai sau đó nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh Hà Văn T được tự do tìm hiểu nhau trong thời gian 03 (ba) năm. Anh chị tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An vào ngày 08/12/2010. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Năm 2018, anh Hà Văn T vi phạm pháp luật về ma túy và chấp hành án tại Phân trại K2- trại giam X đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình

cảm, không thể chung sống với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn T.

Về con chung: Anh chị có 01 (một) con chung là cháu Hà Thị Bích T1, sinh ngày 29/02/2012, đang sống với chị Nguyễn Thị V. Chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hà Thị Bích T1, sinh ngày 29/02/2012 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh Hà Văn T cấp dưỡng nuôi con. Chị làm lao động tự do có thu nhập khoảng 5.000.000 đồng – 6.000.000 đồng/1 tháng, có chỗ ở là nhà riêng tại thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Anh chị không vay nợ ai.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Hà Văn T gửi bản tự khai trình bày về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, về con chung như chị Nguyễn Thị V trình bày là đúng. Vợ chồng có mâu thuẫn là do anh vi phạm pháp luật và đang chấp hành án hình phạt tù nên vợ chồng xa cách, tình cảm lạnh nhạt, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Nay, chị Nguyễn Thị V yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn và đồng ý để chị Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hà Thị Bích T1, sinh ngày 29/02/2012 đến khi con đủ 18 tuổi, anh chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị V không yêu cầu. Anh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Vợ chồng không vay nợ ai.

Tại bản tự khai, cháu Hà Thị Bích T1 trình bày nguyện vọng được sống cùng với mẹ là chị Nguyễn Thị V.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh Hà Văn T. Anh Hà Văn T không tham gia tố tụng, chỉ gửi tự khai. Cả chị Nguyễn Thị V và anh Hà Văn T đều có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V và bị đơn anh Hà Văn T vắng mặt, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị V và anh Hà Văn T kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An vào ngày 08/12/2010 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2017 và không chung sống từ năm 2018 đến nay, không còn tình cảm, không quan tâm, yêu thương nhau. Vì vậy, chị Nguyễn Thị V yêu cầu ly hôn với anh Hà Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Hà Văn T. Về con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Hà Văn T có 01 con chung là cháu Hà Thị Bích T1, sinh ngày 29/02/2012 đang sống cùng chị Nguyễn Thị V; con chung có nguyện vọng được sống cùng chị Nguyễn Thị V. Chị Nguyễn Thị V có đủ điều kiện nuôi con chung, anh Hà Văn T đồng ý giao con chung cho chị Nguyễn Thị V nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Hà Thị Bích T1, sinh ngày 29/02/2012 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh Hà Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị V không yêu cầu. Anh Hà Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V và bị đơn anh Hà Văn T vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hà Văn T cư trú tại thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Hà Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện , tỉnh Nghệ An vào ngày 08/12/2010. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị V và anh Hà Văn T là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Vợ chồng không chung sống từ năm 2018 đến nay, không ai có hành động hàn gắn tình cảm. Chị Nguyễn Thị V yêu cầu ly hôn, anh Hà Văn T đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị V và anh Hà Văn T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị V là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Hà Văn T có 01 (một) con chung là cháu Hà Thị Bích T1, sinh ngày 29/02/2012, đang sống cùng chị Nguyễn Thị V. Cháu Hà Thị Bích T1 có nguyện vọng được sống cùng chị Nguyễn Thị V. Chị Nguyễn Thị V có chỗ ở, có việc làm và thu nhập, có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh Hà Văn T đồng ý giao con chung cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Vì vậy, để bảo đảm

sự phát triển toàn diện cho trẻ em, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Hà Thị Bích T1, sinh ngày 29/02/2012 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, anh Hà Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị V không yêu cầu. Anh Hà Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Hà Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không vay nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Hà Văn T. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2010, quyển số: 01/2009, đăng ký ngày 08/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Nghệ An).*

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hà Thị Bích T1, sinh ngày 29/02/2012 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hà Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị V không yêu cầu. Anh Hà Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị V đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002366 ngày 10/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Huyền Trang

